TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2019/DS-PT
Ngày 18 - 4- 2019
V/v: Tranh chấp lối đi chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lò Văn Điệt.

Các Thẩm phán: Ông Hoàng Trung Thành, bà Vì Thị Sơn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Thúy Hằng – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Bà Phạm Minh P - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 07/2018/TLPT-DS ngày 26 tháng 12 năm 2018 về Tranh chấp lối đi chung.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 16/2018/DS-ST ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Sơn La bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 15/2019/QĐPT-DS ngày 21 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

***Nguyên đơn*:**

- Bà Nguyễn Thị H1. Địa chỉ: Tổ 3, tiểu khu 16, thị trấn K, huyện M, tỉnh Sơn La. Có mặt.

- Ông Cao Như H2. Địa chỉ: Tổ 3, tiểu khu 16, thị trấn K, huyện M, tỉnh Sơn La. Có mặt.

- Ông Bùi Văn P. Địa chỉ: Tổ 3, tiểu khu 16, thị trấn K, huyện M, tỉnh Sơn La. Có mặt.

- Ông Nguyễn Đức H3. Địa chỉ: Tổ 3, tiểu khu 16, thị trấn K, huyện M, tỉnh Sơn La. Có mặt.

Bị đơn: Ông Nguyễn Đức D, bà Nguyễn Thị L. Địa chỉ: Tổ 3, tiểu khu 16, thị trấn K, huyện M, tỉnh Sơn La. Có mặt.

Người kháng cáo: Bị đơn - ông Nguyễn Đức D.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn bà Nguyễn Thị H1, ông Cao Như H2, ông Bùi Văn P và ông Nguyễn Đức H3 trình bày*:

Về nguồn gốc con đường xóm được hình thành trước năm 1998, nối từ đường liên xã B1 – B2 đi vào núi tại bản X, xã B1, các hộ dân đã sử dụng con đường này để đi lên nương. Năm 1998, trước khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt bìa đỏ) cho các hộ dân. Tiểu khu 9B thị trấn K đã họp dân và thống nhất tại Biên bản họp Tiểu khu 9B (nay là Tiểu khu 16, thị trấn K) ngày 16/9/1998 thống nhất: đường xóm nối từ nhà bà Mận vào núi rộng 03m. Vì vậy, khi cấp (bìa đỏ) cho các hộ gia đình đã trừ đi phần diện tích đất của con đường nên con đường đã được thể hiện trên bản đồ đo đạc hiện trạng số (100-16) lập năm 1998.

Trong quá trình sử dụng, các hộ dân tiểu khu 16, thị trấn Hát Lót đã sử dụng con đường để đi lại lên nương, con đường rộng đủ để xe ô tô đi vào trở đá, trở củi, trở sản phẩm nông nghiệp. Tuy nhiên, phần lối đi giáp đất hộ ông Nguyễn Văn D, bà Nguyễn Thị L ngày càng bị thu hẹp. Trước kia, gia đình ông D trồng chuối, trồng mây làm hàng rào, cây mọc ra đến đâu gia đình ông D rào ra đến đó, đến năm 2016 thì rào lại bằng lưới B40, cộc sắt ra bên ngoài búi mây làm hẹp chiều rộng con đường, ảnh hưởng nghiêm trọng đến việc đi lại của các hộ dân sử dụng con đường này.

Sau khi phát sinh tranh chấp, các hộ dân sử dụng con đường xóm này có đơn đề nghị ra Tiểu khu thị trấn, tiểu khu cho rằng nhân dân khiếu kiện đông người nên chỉ có một mình bà H1 làm đơn và hòa giải nhưng không thành. Nay bà H1, ông H2, ông P và ông H3 khởi kiện đề nghị Tòa án căn cứ Biên bản họp dân ngày 16/9/1998, bản đồ đo đạc hiện trạng số (100-16) năm 1998, bìa đỏ mang tên bà Nguyễn Thị L do UBND huyện cấp năm 1998, để buộc gia đình ông D trả lại hiện trạng con đường xóm đoạn giáp đất ông D đi vào núi rộng 03m.

*Bị đơn ông Nguyễn Đức D, bà Nguyễn Thị L trình bày***:**

Gia đình ông bà nhận chuyển nhượng đất từ năm 1985, của ông Trần Quang Đ cư trú tại Tiểu khu và sử dụng từ đó đến nay. Khi nhận chuyển nhượng, gia đình ông D thừa nhận có một con đường mòn ở giữa cho các hộ dân đi qua để lên nương. Gia đình ông đã rào lại diện tích đất đã mua và chia thành 02 thửa ở hai bên đường, để lại con đường mòn lên núi rộng 02m. Năm 1998, gia đình ông được cấp

(bìa đỏ) mang tên Nguyễn Thị L, phần đất gia đình sử dụng một bên giáp con đường lên núi, còn bên kia con đường để cho gia đình anh trai ông Nguyễn Đức H3 (nguyên đơn) sử dụng. Đầu tiên gia đình ông bà rào bằng phên tre, cây sống phía trong, năm 1994, trồng mây phía trong, đến cuối năm 2016, rào lại bằng cột sắt và lưới B40 theo đúng hàng rào cũ, riêng phần cổng làm năm 2017.

Gia đình ông D thừa nhận có Biên bản họp dân ngày 16/9/1998, bản đồ hiện trạng năm 1998. Tuy nhiên, con đường hiện tại thì không đúng theo các tài liệu này, con đường này chỉ có 04 hộ sử dụng gồm: hộ ông Nguyễn Đức H3, bà Cao Thị Mận, ông Bùi Văn P và gia đình ông. Gia đình ông D ở phía sau nhất, tiếp đó là đường đi lên núi (nương). Biên bản xác minh hiện trạng của UBND xã B, từ đường nhựa vào 50m (một bên nhà ông P và một bên nhà bà Mận) đoạn rộng nhất là 2,8m, hẹp nhất là 2,0m; tiếp từ đoạn 50m đến 65m (một bên nhà ông D, một bên nhà ông H3) rộng nhất là 3,6m; tiếp từ đoạn 66m đến 143m (một bên nhà ông H2 đã đổi cho bà H1, một bên nhà ông D) đoạn rộng nhất là 2,0m, hẹp nhất là 1,6m. Vì vậy, không thể khẳng định chỉ có gia đình ông lấn chiếm đất.

Qua đo đạc hiện trạng sử dụng đất năm 2014, hộ bà H1, ông H3, ông P đều thừa so với diện tích đất được cấp (bìa đỏ) nên không thể căn cứ vào việc gia đình ông thừa đất để làm cơ sở xác định là ông lấn chiếm đất. Nếu căn cứ vào (bìa đỏ) cấp cho gia đình ông P thể hiện con đường rộng 04m. Vì vậy, nếu ông P để con đường rộng 04m phía trước, phía sau gia đình ông đồng ý để chiều rộng con đường lên núi giáp đất của ông rộng 03m.

Từ các căn cứ như đã nêu trên, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn.

Tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 02/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện M xác định: Tổng chiều dài con đường nối từ đường liên xã B1 – B2 (tính từ mép đường V đến hết phần đất hộ bà L, ông D) đi vào núi (nương) chiều dài là 163,3m (theo đường cong). Đoạn đường đang có tranh chấp từ đoạn 67,6m đến hết phần đất giáp với gia đình ông D dài 98,7m; đoạn rộng nhất 1,8m; đoạn hẹp nhất 1,5m. Tổng diện tích đất của gia đình ông D đang quản lý, sử dụng là 2.464,4m^2.

* Tại bản án số: 16/2018/DS-ST ngày 23/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Sơn La quyết định:

Áp dụng Điều 4, 5, Điều 170, 179, 203 Luật đất đai năm 2013; Điều 254 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 27, Điều 48 Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của đồng nguyên đơn bà Nguyễn Thị H1, ông Cao Như H2, ông Bùi Văn P và ông Nguyễn Đức H3. Buộc ông Nguyễn Đức D, bà Nguyễn Thị L phải trả lại lối đi chung đoạn từ 67,7m đến hết đất của gia đình ông bà D L dài 98,7m với chiều rộng là 03m.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định.

* Sau khi xét xử sơ thẩm ngày 28/11/2018, bị đơn ông Nguyễn Đức D kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện M. Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào bìa đỏ của gia đình ông được cấp năm 1998, so với diện tích đất đo lại theo sơ đồ năm 2014, thừa ra 674m^2 cho rằng gia đình ông lấn chiếm là không khách quan. Buộc ông phải chịu toàn bộ án phí và chi phí tố tụng là không đúng. Gia đình ông sử dụng đất ổn định từ năm 1985, đã trồng các cây cọc sống và cây mây, sau 33 năm sử dụng không có tranh chấp. Có 04 hộ gia đình cùng ở hai bên con đường nhưng lại tập trung kiện gia đình ông, gia đình ông luôn có thiện chí trong việc xử lý ngõ xóm.

** Tại phiên tòa phúc thẩm*:

- Ý kiến tranh luận của bị đơn, giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo gia đình ông đã sử dụng đất ổn định sau 33 năm không có tranh chấp. Do đó, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của đồng nguyên đơn.

- Ý kiến tranh luận của đồng nguyên đơn, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn đề nghị giữ nguyên Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Sơn La.

Kiểm sát viên phát biểu việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định của pháp luật; quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên đề nghị:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa bản án sơ thẩm số: 16/2018/DSST ngày 23/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện M. Buộc ông D, bà L trả thêm đất vào lối đi chung đoạn từ 67,7m đến hết đất của gia đình ông D cho đủ chiều rộng của con đường là 03m. Ông D không phải chịu án phí phúc thẩm do kháng cáo được chấp nhận một phần.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án; ý kiến trình bày của các đương sự; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[2] Xét kháng cáo của bị đơn Nguyễn Đức D, không nhất trí với quyết định

của bản án sơ thẩm, Hội đồng xét xử thấy rằng.

Về nguồn gốc: các bên đương sự đều thừa nhận con đường được hình thành từ trước năm 1998, nối từ đường liên xã B1 - B2 đi vào núi để lên nương tại bản X, xã B1. Tại thời điểm này các hộ gia đình chưa được cấp (bìa đỏ) nên chưa có ai rào dậu, xe ô tô đi vào núi để trở đá, trở củi như lời trình bày của nguyên đơn là đúng. Trước khi thực hiện việc đo đạc để cấp (bìa đỏ) cho các hộ gia đình, tiểu khu 9B, thị trấn L đã họp dân thống nhất tại Biên bản họp ngày 16/9/1998, đường làng rộng 04m, đường xóm rộng 03m, đường đi nương rộng 02m, khi cấp (bìa đỏ) cho các hộ đã trừ diện tích đất của con đường thể hiện tại bản đồ số (100-16) lập năm 1998.

Tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 02/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện M xác định: chiều dài con đường nối từ đường liên xã B1 - B2 (tính từ mép đường V đến hết phần đất hộ ông D) đi lên núi (nương) chiều dài là 163,3m (theo đường cong). Đoạn đường đang có tranh chấp từ đoạn 67,6m đến hết phần đất giáp với gia đình ông D dài 98,7m; đoạn rộng nhất 1,8m; đoạn hẹp nhất 1,5m. Tổng diện tích đất của gia đình ông D đang quản lý, sử dụng hiện tại là 2.464,4m^2, so với (bìa đỏ) được cấp năm 1998, diện tích là 1.790m^2 thừa ra 674,4m^2.

Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào biên bản xem xét thẩm định tại chỗ, diện tích đất của gia đình ông D đang quản lý, sử dụng thừa ra so với (bìa đỏ) được cấp năm 1998. Xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà H1, ông H2, ông P và ông H3. Nhưng lại buộc ông D, bà L phải trả lại toàn bộ lối đi chung đoạn từ 67,7m đến hết đất của gia đình ông D chiều dài 98,7m, chiều rộng là 03m là chưa đủ cơ sở.

[2] Căn cứ vào Biên bản họp dân ngày 16/9/1998, tại tiểu khu 9B, thị trấn Hát Lót thống nhất: đường từ nhà bà Cao Thị G đi vào núi rộng 03m. Tại bản đồ địa chính số (100-16) lập năm 1998, theo sơ đồ thì có con đường đi vào núi nhưng không thể hiện chiều rộng là bao nhiêu mét. Căn cứ vào biên bản xem xét thẩm định tại chỗ của Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La xác định, hiện tại các hộ đang sử dụng con đường xóm gồm: bà Cao Thị G, ông Bùi Văn P ở mỗi người 01 bên phía đầu đường rẽ vào đã xây tường bao có chiều dài phía giáp đất bà G là 52,10m; phía giáp đất ông P 53,44m chiều rộng 2,58m; đoạn tiếp giáp đất ông P vào đất ông D 13,11m; đoạn tiếp giáp đất bà G vào đất ông H3 12,86, rộng 3,36m (không có tranh chấp). Đoạn đường xóm đang có tranh chấp: đoạn giáp nhà ông Nguyễn Đức H3 giáp đất nhà ông Cao Như H2 có chiều dài 39m; đoạn giáp đất ông Cao Như H2 lên đến hết đất nhà ông Nguyễn Đức D chiều dài là 60m, tổng chiều dài 99m; đoạn tính từ mép đất ông Nguyễn Đức D phía có hàng rào B40 đang có tranh chấp đến hết đất nhà ông D chiều dài 103m.

Tổng diện tích lối đi chung đang được sử dụng tại đoạn đang có tranh chấp

là 189,6m^2, Tòa án cấp sơ thẩm xác định thuộc đất của ông H3, ông H2 là không có căn cứ, lối đi chung này có từ khi gia đình ông D rào đã để chừa lại khoảng 02m. Buộc gia đình ông D trả lại toàn bộ con đường đi lên núi chiều rộng 03m, không tính lối đi chung hiện tại đang sử dụng là không đúng. Đối với đoạn đường xóm đang có tranh chấp cần giữ nguyên hiện trạng, phần còn thiếu không đủ 03m mới buộc gia đình ông D phải tự tháo dỡ hàng rào lùi vào cho đủ 03m chiều rộng. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét lối đi chung đang sử dụng tại đoạn đường đang có tranh chấp, không buộc gia đình ông D phải tự tháo dỡ hàng rào là thiếu sót, gây khó khăn cho công tác thi hành án.

[3] Từ sự phân tích nêu trên, xét kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Đức D là có căn cứ, cần được chấp nhận một phần. Sửa bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện M.

[4] Về án phí và chi phí tố tụng:

Về án phí: Ông D không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, do bản án bị sửa.

Về chi phí tố tụng: Xác định nguyên đơn và bị đơn đều có lỗi nên phải chịu mỗi bên ½ tại cấp sơ thẩm nguyên đơn đã nộp 1.500.000đ; tại cấp phúc thẩm bị đơn đã nộp 5.627.000đ, tổng số tiền là (7.127.000đ: 2 = 3.563.500đ).

Nguyên đơn phải hoàn trả lại cho ông D số tiền đã bỏ ra chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 2.063.500đ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, 309 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Đức D, sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 16/2018/DS-ST ngày 23/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Sơn La như sau:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H1, ông Cao Như H2, ông Bùi Văn P và ông Nguyễn Đức H3. Giữ nguyên hiện trạng đoạn đường xóm đang có tranh chấp, tính từ đoạn giáp nhà ông Nguyễn Đức H3 giáp đất nhà ông Cao Như H2 chiều dài 39m; đoạn giáp đất ông Cao Như H2 đi lên đến hết đất nhà ông Nguyễn Đức D chiều dài là 60m, tổng chiều dài 99m; đoạn tính từ mép đất ông Nguyễn Đức D phía có hàng rào B40 đang có tranh chấp đến hết đất nhà ông D chiều dài 103m.

2. Buộc ông Nguyễn Đức D, bà Nguyễn Thị L phải có trách nhiệm tự tháo dỡ hàng rào B40 lùi vào theo từng đoạn còn thiếu cho đủ 03m chiều rộng của con

đường xóm đi vào núi, phía tiếp giáp đất gia đình ông Nguyễn Đức D. Địa chỉ tại tổ 3, tiểu khu 16, thị trấn K, huyện M, tỉnh Sơn La (có sơ đồ kèm theo).

3. Về án phí: Ông Nguyễn Đức D không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, số tiền 300.000đ tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số: 0001804 ngày 03/12/2018, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm phải nộp, tại Chi cục thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Sơn La.

4. Chi phí tố tụng khác: Đồng nguyên đơn phải chịu số tiền là 3.563.500đ, được trừ vào số tiền 1.500.000đ đã nộp, còn phải nộp tiếp số tiền là 2.063.500đ, để hoàn trả lại cho bị đơn ông Nguyễn Đức D đã nộp. Theo phần mỗi người phải chịu là 515.900đ (năm trăm mười lăm nghìn chín trăm đồng).

- Bị đơn ông Nguyễn Đức D phải chịu số tiền là 3.563.500đ, được trừ vào số tiền đã nộp, còn được nhận lại số tiền 2.063.500đ (hai triệu không trăm sáu mươi ba nghìn năm trăm đồng) do đồng nguyên đơn hoàn trả.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án./.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án".

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Sơn La;
- TAND huyện M;
- Chi cục THADS huyện M;
- Các đương sự;
- Phòng kiểm tra nghiệp vụ;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Lò Văn Điệt

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ		THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Vì Thị Sơn	**Hoàng Trung Thành**	**Lò Văn Điệt**